

成年女子 (フルール)

県名	No.	1	2	3	4	勝点	勝数	突数	被突数	TD-TR	順位		
岐阜	1	勝点 0		勝点 1		勝点 1		3	23	120	38	82	1
		V 9		V 8		V 6							
		TD 45		TD 42		TD 33							
愛知	2	勝点 0		勝点 1		勝点 0		1	7	66	120	-54	3
		V 0		V 5		V 2							
		TD 10		TD 38		TD 18							
静岡	3	勝点 0		勝点 0		勝点 0		0	6	56	123	-67	4
		V 1		V 4		V 1							
		TD 9		TD 34		TD 13							
三重	4	勝点 0		勝点 1		勝点 1		2	18	103	64	39	2
		V 3		V 7		V 8							
		TD 19		TD 41		TD 43							
負数		4	20	21	9	代表県							

1

県名	氏名	No.	1	2	3	()	4	5	6	()	V	TD
岐阜	伊藤 真希	1	6 V				V5	V5	V5		3	15
	家永 妃里	2					V5	1	V1		2	7
	川満 千乃	3					V4	4	3		1	11
	濱野 万葉	()										
三重	楠木 麗	4	0	1	3		3 D				0	4
	山田 あゆみ	5	3	V2	V5						2	10
	相澤 さつき	6	1	0	V4						1	5
	大森 祐里	()										
		TR	4	3	12		14	10	9			

2

県名	氏名	No.	1	2	3	()	4	5	6	()	V	TD
静岡	加藤 早絵	1	4 D				2	3	3		0	8
	鈴木 穂波	2					V5	V5	2		2	12
	高木 真由子	3					4	V5	V5		2	14
	()											
愛知	小塚 麻由	4	V5	2	V5		5 V				2	12
	折戸 恵利香	5	V5	4	4						1	13
	佐藤 萌笑	6	V5	V5	3						2	13
	高木 まりな	()										
		TR	15	11	12		11	13	10			

3 県名	氏名	No.	1	2	3	()	4	5	6	()	V	T D			
岐阜	伊藤 真希	1	8 V				V5	V5	V5			3	15		
	家永 妃里	2					V5							1	5
	川満 千乃	3					V5	V5	V5					3	15
	濱野 万葉	()						2	V5					1	7
静岡	加藤 早絵	4	1	0	2		1 D				0	3			
	高木 真由子	5	0		0	V5								1	5
	鈴木 穂波	6	1		0	0								0	1
		()													
		T R	2	0	2	5	15	12	15						

4 県名	氏名	No.	1	2	3	()	4	5	6	()	V	T D			
愛知	小塚 麻由	1	2 D				1	V4	3			1	8		
	折戸 恵利香	2					1	1	2					0	4
	佐藤 萌笑	3					V5	1	0					1	6
	高木 まりな	()													
三重	楠木 麗	4	V5	V5	3		7 V				2	13			
	山田 あゆみ	5	3	V5	V5									2	13
	相澤 さつき	6	V5	V5	V5									3	15
	大森 祐里	()													
		T R	13	15	13		7	6	5						

5 県名	氏名	No.	1	2	3	()	4	5	6	()	V	T D			
静岡	加藤 早絵	1	1 D				0	1	0			0	1		
	高木 真由子	2					V4	0	2					1	6
	鈴木 穂波	3					3	0	3					0	6
		()													
三重	楠木 麗	4	V5	3	V5		8 V				2	13			
	山田 あゆみ	5	V5	V5	V5									3	15
	相澤 さつき	6	V5	V5	V5									3	15
	大森 祐里	()													
		T R	15	13	15		7	1	5						

6 県名	氏名	No.	1	2	3	()	4	5	6	()	V	T D			
岐阜	伊藤 真希	1	9 V				V5	V5	V5			3	15		
	家永 妃里	2					V5	V5						2	10
	川満 千乃	3					V5	V5	V5					3	15
	濱野 万葉	()										V5		1	5
愛知	小塚 麻由	4	0	3	1		0 D				0	4			
	折戸 恵利香	5	0	1	0									0	1
	佐藤 萌笑	6	1	1	3									0	5
	高木 まりな	()													
		T R	1	5	4		15	15	15						